TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/DS-PT

Ngày: 14/8/2023

V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Trương Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Thế Trường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 94/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2610/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Dương Đình V, sinh năm 199x; Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Dương Thị Mỹ L, sinh năm 198x; Địa chỉ: thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lệ: ông Hồ Lý Hải - Luật sư, Văn phòng luật sư Hồ Lý Hải, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Trần Hữu T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn x, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của anh Toàn:

+ Ông Dương Văn T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số 1xx Dương Văn A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Chị Võ Thị Kim Q, sinh năm 19xx; Địa chỉ: thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Uỷ ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có đơn.

+ Bà Nguyễn Thị L1; Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt có đơn.

Người kháng cáo: ông Trần Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Dương Thị Mỹ L là người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện của anh Dương Đình V cùng người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp (viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch có nguồn gốc của ông Dương Đình T, bà Nguyễn Thị L1 là bố, mẹ của nguyên đơn được Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Bố Trạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) lần đầu số K 241893 ngày 01/6/1997 với diện tích 1.202m^2, tại thửa đất số 720, tờ bản đồ số 03, tại **xã** P, huyện B. Năm 2014, Dương Đình T, bà Nguyễn Thị L1 tặng cho con trai Dương Đình V toàn bộ diện tích này nhưng kết quả đo đạc thực tế sử dụng có 1.065m^2 và anh V đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số BP 863055 ngày 03/6/2014 tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện B; diện tích còn lại 137m^2 ông T, bà L1 để lại cho con gái Dương Thị Mỹ L (đang đứng tên ông T, bà L1trong GCNQSDĐ), quá trình sử dụng đất nguyên đơn thấy diện tích đất của nguyên đơn và diện tích đất còn lại của ông T, bà L1đã bị anh Trần Văn Toàn là hộ sử dụng đất liền kề lấn chiếm và đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ. Để đảm bảo quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện đòi lại diện tích đất của ông T, bà L1đã bị anh Toàn lấn chiếm 137m^2; anh Toàn

còn lấn chiếm của nguyên đơn 103,8m^2 và yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của UBND huyện Bố Trạch cấp cho anh Trần Văn Toàn trên diện tích đất đã lấn chiếm.

Tại Đơn phản tố, bản tự khai và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của anh Toàn (viết tắt là bị đơn) trình bày:

Thửa đất 732, tờ bản đồ số 12 xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch có diện tích 674m^2 đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ ngày 31/10/2017. Bị đơn là người được thừa kế thửa đất này từ bà Dương Thị V1 đúng theo quy định của pháp luật; năm 2018 anh V là hộ sử dụng đất liền kế có lấn chiếm đất của bị đơn khoảng 60m^2, vì vậy bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Toà án buộc anh V phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, tại phiên toà bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại 41m^2.

Tại Đơn yêu cầu độc lập, Biên bản hoà giải và tại phiên toà bà Nguyễn Thị L1, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lợi trình bày:

Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch có nguồn gốc của vợ chồng bà đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ lần đầu số K 241893 ngày 01/6/1997 với diện tích 1.202m^2 tại thửa đất số 720, tờ bản đồ số 03, tại xã P, huyện B. Năm 2014 bà với chồng bà tặng cho con trai Dương Đình V 1.065m^2 (anh V đã được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số BP 863055 ngày 03/6/2014 tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12 xã P, huyện B); năm 2017 ông Dương Đình Từ chết không để lại di chúc, diện tích còn lại 137m^2 bà đang sử dụng thì được biết anh Trần Hữu T là hộ sử dụng đất liền kề đã được cấp GCNQSDĐ trên diện tích này nên bà đề nghị Toà án buộc bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà và huỷ GCNQSDĐ của UBND huyện Bố Trạch cấp cho anh Toàn trên diện tích đất đã lấn chiếm.

Tại Công văn số 336/UBND ngày 18/4/2023 Uỷ ban nhân dân xã Hải Phú trình bày:

Hiện tại UBND xã Hải Phú không còn lưu trữ sổ mục kê đất đai theo phê duyệt của bản đồ năm 1997 của xã Phú Trạch, do đó không có các tài liệu theo yêu cầu của Toà án, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND huyện Bố Trạch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản và không cử người tham gia tố tụng (chỉ gửi tài liệu theo yêu cầu của Toà án).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 200, Điều 201 và Điều 202, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 96, điểm c khoản 1 Điều 99 và Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 3, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của anh Dương Đình V về việc yêu cầu anh Trần Hữu T trả lại 103,8m^2 đất tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình để đình chỉ xét xử giải quyết.

2. Không chấp nhận việc khởi kiện của anh Dương Đình V về việc yêu cầu anh Trần Hữu T trả lại 137m^2 đất tại thửa đất số 732, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 578661 ngày 19/12/2016 của Uỷ ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp cho bà Dương Thị V1(đã điều chỉnh sang tên anh Trần Hữu T).

3. Không chấp nhận phản tố của anh Trần Hữu T về việc buộc anh Dương Đình V phải trả lại 41m^2 đất đã lấn chiếm thửa đất số 732, tờ bản đồ số 12 xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1 về việc buộc anh Trần Hữu T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp cho anh Trần Hữu T.

5. Buộc anh Trần Hữu T phải trả cho bà Nguyễn Thị L1 và các đồng thừa kế của ông Dương Đình Từ 91m^2 (chín mươi mốt) đã lấn chiếm tại thửa đất số 732, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; diện tích đất cụ thể như sau: phía Bắc giáp thửa đất số 732 của anh Toàn từ điểm 7a đến điểm 12a dài 34,55 mét; phía Tây giáp đường liên xóm từ điểm 12a đến điểm 12 dài 2,49 mét; phía Đông giáp thửa đất số 251 của anh V từ điểm 12 đến điểm 7 dài 34,76 mét; phía Đông từ điểm 7 đến điểm 7a dài 2,80 mét.

(Sơ đồ thửa đất vẽ kèm theo).

5. Huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 937817 ngày 31/10/217 của Uỷ ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp cho bà Dương Thị V1 (đã điều chỉnh sang tên anh Trần Hữu T) liên quan đến diện tích 91m^2 cấp chồng lấn

lên diện tích đất của ông Dương Đình T, bà Nguyễn Thị L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1997.

6. Bà Nguyễn Thị L1 và anh Trần Hữu T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất theo đúng quy định của luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2023, Bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung:

- Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

- Chấp nhận đơn phản tố của Bị đơn; không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bác yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ L vì không có căn cứ pháp lý; buộc ông Dương Đình V dở bỏ hàng rào, trả lại nguyên trạng phần diện tích đất ông Việt đang lấn chiếm trái phép 41m^2 tại thửa đất 732 tờ bản đồ số 12 diện tích 674,0 m^2, tại xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sử dụng của ông Trần Hữu T.

Tại hồ sơ vụ án thể hiện UBND huyện Bố Trạch có gửi văn bản số 435/UBND ngày 15/3/2023 (pho to) trình bày ý kiến: Đề nghị Tòa án căn cứ vào giấy tờ có liên quan và căn cứ theo các quy định của pháp luật để giải quyết theo đúng quy định. UBND huyện sẽ căn cứ theo quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền để thực hiện.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của Bị đơn có yêu cầu phản tố: bà Dương Thị Mỹ L không liên quan gì đến đất tranh chấp mà khởi kiện và ký vào đơn khởi kiện là trái quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L1 là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L1: theo đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Lệ và bà Lệ: thống nhất như tuyên tại bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Dương Thị Mỹ L đứng tên ký đơn khởi kiện cho nguyên đơn ông Dương Đình V là vi phạm nhưng nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với 103 m^2 đất tranh chấp, Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ; đối với phần diện tích tranh chấp 137m^2, Tòa án sơ thẩm cũng đã bác yêu cầu. Tại phiên tòa, không có chứng cứ nào mới nên đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn có yêu cầu phản tố, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của Bị đơn có yêu cầu phản tố có hình thức, nội dung đúng quy định và nộp trong thời hạn kháng cáo nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Nguồn gốc đất tranh chấp:

[3.1.1] Thửa đất số 720, tờ bản đồ số 3, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú), huyện Bố Trạch có nguồn gốc của ông Dương Đình T, bà Nguyễn Thị L1 được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ lần đầu số K 241893 ngày 01/6/1997 với diện tích 1.202m^2. Ông T, bà L1lập hợp đồng tặng cho con trai Dương Đình V toàn bộ thửa đất này với diện tích 1.202m^2 được UBND xã Phú Trạch chứng thực ngày 14/11/2013, số chứng thực 185, quyển số 01/2013TP/CC-SCT/HĐGD. Ngày 03/6/2014, ông Việt được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số BP 863055 tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 12 xã P, huyện B với diện tích 1.065m^2, giảm 137m^2 so với diện tích được cấp GCNQSDĐ lần đầu số K 241893 ngày 01/6/1997.

[3.1.2] Thửa đất số 697, tờ bản đồ số 3, tại xã P, huyện B có nguồn gốc của cụ Hoàng Thị Đ được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ lần đầu số K 241829 ngày 01/6/1997 với diện tích 518m^2 (trong đó 200m^2 đất ở, 318m^2 đất vườn). Năm 2011, Cụ Đđược cấp đổi thành GCNQSDĐ số BG 214933 ngày 18/10/2011 với diện tích 942m^2, tại tờ bản đồ số 12 xã Phú Trạch được duyệt

năm 2010 (bao gồm thửa đất số 693 diện tích 518m^2 và thửa đất số 698 diện tích 333m^2 do cụ Ng cho, tại tờ bản đồ số 3, được phê duyệt năm 1997) tăng 91m^2 so với diện tích tại tờ bản đồ số 3 xã P, huyện B được duyệt năm 1997. Cụ Đchết không để lại di chúc, ngày 10/10/2016 các đồng thừa kế của Cụ Đgồm: ông Dương Đình Từ, bà Dương Thị Hoa, bà Dương Thị V1và bà Dương Thị Đào đã lập văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ Đối, theo đó các đồng thừa kế đều nhất trí nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà Dương Thị V1(văn bản phân chia thừa kế được UBND xã Phú Trạch chứng thực). Ngày 19/12/2016, bà Dương Thị V1được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số CG 578661 với diện tích 924m^2 tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện B. Ngày 03/6/2017, bà Dương Thị V1làm thủ tục tách thửa đất trên thành hai thửa đất số 731 có diện tích 268m^2 và 732 có diện tích 674m^2. Thửa đất số 731, bà V1 chuyển nhượng cho ông Hồ Cảnh, bà Phạm Thị Xâm. Thửa đất số 732 bà Văn được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ số CI 937817 ngày 31/10/2017, ông Trần Hữu T là con ruột được thừa kế, đang quản lý sử dụng theo đăng ký biến động.

[3.2] Về Đơn và quyền khởi kiện:

[3.2.1] Tại bản án, Tòa án sơ thẩm xác định nguyên đơn ông Dương Đình V, bà Dương Thị Mỹ L là người đại diện theo ủy quyền. Nhưng tại Đơn khởi kiện ngày 04/11/2022, tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện và phần ký tên là bà Dương Thị Mỹ L, bà Lệ làm đơn khởi kiện vì bà cho rằng đã được ông Dương Đình V ủy quyền bằng Hợp đồng ủy quyền ngày 15/7/2022 là vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 189 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.2.2] Tại nội dung đơn khởi kiện, bà Lệ trình bày: trong tổng diện tích đất tranh chấp, bà Lệ xác định có 137m^2 đất cha mẹ bà để lại cho bà nhưng đây là diện tích nằm trong tổng diện tích 1.202 m^2 của thửa đất số 720, đã được cha mẹ bà là Dương Đình Từ và Nguyễn Thị Lợi lập hợp đồng tặng cho em bà là Dương Đình V như mục [3.1.1] nên bà cũng không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3.2.2] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, yêu cầu nguyên đơn trả lại 137m^2 đất và yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của UBND huyện Bố Trạch cấp cho Bị đơn: Tòa án sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính xác nhằm xem xét tính pháp lý của việc tặng cho thửa đất trên. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm thụ lý, giải quyết yêu cầu độc lập của bà Lợi là không có cơ sở. Bởi lẽ, vợ chồng Dương Đình T, bà Nguyễn Thị L1 được UBND huyện Bố Trạch cấp GCNQSDĐ lần đầu số K 241893 ngày 01/6/1997

với diện tích 1.202m^2; ngày 14/11/2013, vợ chồng bà đã lập hợp đồng tặng cho ông Dương Đình V toàn bộ diện tích 1.202m^2 đất như nêu tại mục [3.1.1]. Do đó, bà Nguyễn Thị L1 không còn quyền gì đối với diện tích đất tranh chấp trên. Nếu có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp là phần diện tích tăng thêm so với diện tích cấp ban đầu do cụ Hoàng Thị Đđược cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 693 và 698, được duyệt năm 1997 thì quyền khởi kiện thuộc về ông Dương Đình V.

[3.3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn buộc ông Dương Đình V phải trả lại 41m^2 đất đã lấn chiếm thửa đất số 732, tờ bản đồ số 12, tại xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình: do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như phân tích trên nên HĐXX phúc thẩm không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Những vi phạm tố tụng như phân tích trên của Tòa án sơ thẩm đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số: 13/2023/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn có yêu cầu phản tố kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Hủy Bản án số 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Hữu T không phải chịu, được hoàn số tiền 300.000 đồng ông Toàn đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 5403 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung